

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2017/HNGĐ - ST

Ngày 29-9-2017

V/v không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Huy Hoàng;

Ông Trần Đăng Khoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Khánh Sơn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 116/2017/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 về việc " Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1623/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn A, sinh năm 1983; hiện cư trú: Bergstrasse 72.14019 Berlin, Cộng hòa liên bang Đức. Hiện tạm trú: Số 7 lô 3 khu đô thị PG T Quan, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

- Bị đơn: Chị Đỗ T, sinh năm 1991; địa chỉ: số 25/67/229 Hàng Kênh, quận Lê Chân, Hải Phòng

Anh A và chị Hương T đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là anh Nguyễn A trình bày: Năm 2012 anh về Việt Nam và có quen biết với chị Đỗ T, sau đó anh và chị T nảy sinh tình cảm và sống chung với nhau như vợ chồng được 1 thời gian ngắn nhưng không có đăng ký kết hôn thì anh A về Cộng hòa liên bang Đức làm ăn sinh sống. Trong thời gian đó anh được biết chị T đang mang thai với anh. Đến ngày 12 tháng 12 năm 2013 chị T sinh cháu Nguyễn Nhật Minh tại Bệnh viện Phụ sản Tâm Phúc, thành phố Hải Phòng. Nay xác định tình cảm không còn, khả năng đoàn tụ không có và để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu Minh anh đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 12/12/2013. Anh chị thỏa thuận giao 01 con chung là cháu Minh cho anh nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai chị Đỗ T trình bày thống nhất về quá trình quen biết và chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn A. Chị đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn A

- Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 12/12/2013 cho anh A nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn A và chị Đỗ T đều vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án không công nhận giữa anh Nguyễn A và chị Đỗ T

Về con chung: Anh chị thỏa thuận đề nghị Tòa án giao 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 12/12/2013 cho anh A nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn A và chị Đỗ T cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về sự vắng mặt của anh Nguyễn A và chị Đỗ T: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn A và chị Đỗ T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn A và chị Đỗ T: Năm 2012 anh A và chị Hương T quen biết nhau và nảy sinh tình cảm có thời gian chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm C khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Quan hệ giữa anh Nguyễn A và chị Đỗ T chỉ được coi là nam nữ chung

sống với nhau như vợ chồng mà không được pháp luật Việt Nam công nhận là vợ chồng.

Xét thấy việc chung sống giữa anh Nguyễn A và chị Đỗ T không có hạnh phúc, mỗi người một nước khác nhau, không ai còn quan tâm đến nhau. Do vậy việc anh Nguyễn A và chị Đỗ T cùng thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận anh chị có quan hệ vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh Nguyễn A và chị Đỗ T thỏa thuận giao 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 12/12/2013 cho anh A nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Xét việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả anh A và chị T. Sau khi chị T sinh cháu Nguyễn Nhật Minh trên thực tế cháu Nhật Minh ở và được bố mẹ anh Nguyễn A chăm sóc từ năm 2013 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy về hoàn cảnh thực tế cũng như việc thỏa thuận của anh chị không trái quy định của pháp luật và phù hợp do đó cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 12/12/2013 cho anh A nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo anh Nguyễn A và chị Đỗ T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

XỬ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn A

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn A và chị Đỗ T.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 12/12/2013 cho anh A nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi có yêu cầu khác.

Không ai được ngăn cản người gặp gỡ chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn A và chị Đỗ T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn A và chị Đỗ T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh Nguyễn A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm . Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003909 ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn A đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo:

+ Anh Nguyễn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

+ Chị Đỗ T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Huy Hoàng

Trần Đăng Khoa

Lê Ngọc Phương

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Phương

